

CÔNG TY TNHH SX & TM THÀNH AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX & TM THÀNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400789512

3. Ngày thành lập: 19/02/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phúc Lâm, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0915253189

Fax:

Email: thanhanco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
8.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
14.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
25.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
26.	Chăn nuôi lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
31.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
39.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
40.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
41.	Sản xuất giày dép	1520
42.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
48.	Bốc xếp hàng hóa	5224
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
50.	Chuyển phát	5320
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
56.	Bán buôn tổng hợp	4690
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
63.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
65.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
66.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
71.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
72.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
73.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
74.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
75.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
77.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
78.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
79.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
80.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
83.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
84.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
85.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

86.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
87.	Thu gom rác thải độc hại	3812
88.	Tái chế phế liệu	3830
89.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
90.	Xây dựng nhà các loại	4100
91.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
92.	Xây dựng công trình công ích	4220
93.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
94.	Phá dỡ	4311
95.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
96.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
97.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
98.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
99.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
102.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
103.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
104.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
105.	Bán mô tô, xe máy	4541
106.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
107.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
108.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
109.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
110.	Bán buôn gạo	4631
111.	Bán buôn thực phẩm	4632
112.	Bán buôn đồ uống	4633
113.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
114.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
115.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
116.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
117.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
118.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
119.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
120.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
121.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774

122.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
123.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
124.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
125.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
126.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
127.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
128.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
129.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

6. Vốn điều lệ: 2.868.868.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn Phúc Lâm, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.295.094.400	80,000	121482357	
2	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Thôn Tân Lập, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	573.773.600	20,000	081037981	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121482357

Ngày cấp: 17/03/2001

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phúc Lâm, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phúc Lâm, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang